CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Vina2

Ngày 31/12/2025	6,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.9%	-	-

DT thuần
Q4/25
430
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 213| 98.3%
YoY: ▲ 34.0| 8.7%

LN thuần
Q4/25
9.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.10| 206%
YoY: ▼18.2| -66.8%

LN sau thuế
Q4/25
7.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.48| 174%
YoY: ▼17.9| -71.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.1%
YoY: +/-▼ 4.1%

ROE
2025
1.8%
YoY: +/-▼ 4.5%

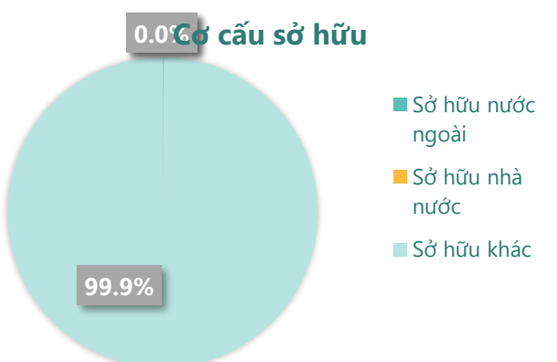
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,851 - 9,326
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	477
Số lượng CPLH (CP)	75,645,525
KLGD BQ 20 phiên (CP)	207,580
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.16
EPS	225
P/E	27.9

DT thuần
2025
1,139
tỷ VNĐ
YoY: ▼94.0| -7.6%

LN thuần
2025
22.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.7| -52.5%

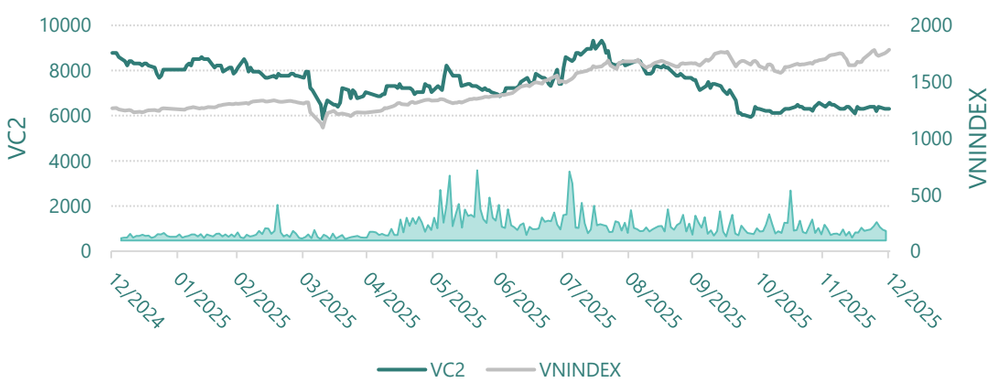
LN sau thuế
2025
17.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.7| -69.1%

Cơ cấu sở hữu

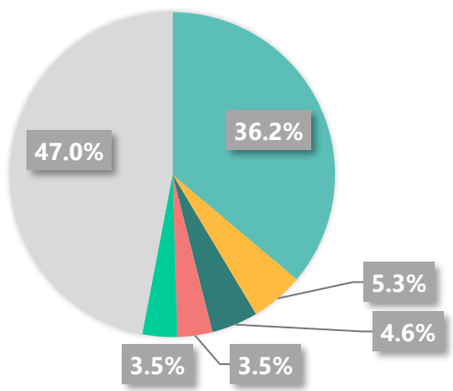


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

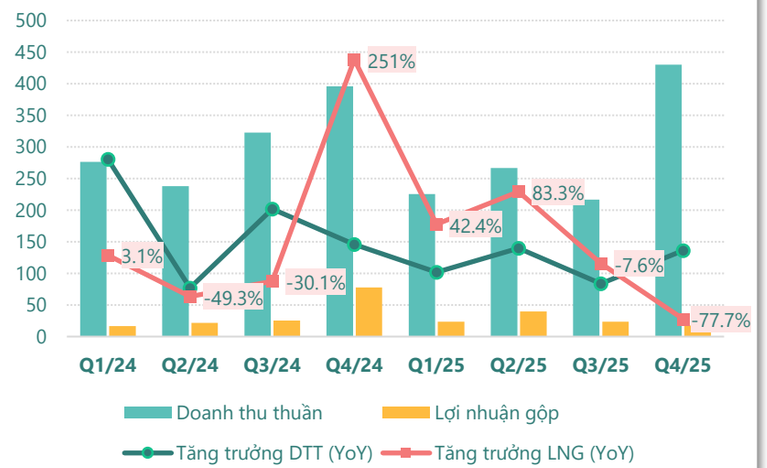


- CTCP Đầu tư MST
- Đỗ Trọng Quỳnh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Mai Phương
- Trần Thị Linh
- Nguyễn Thanh Mai
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

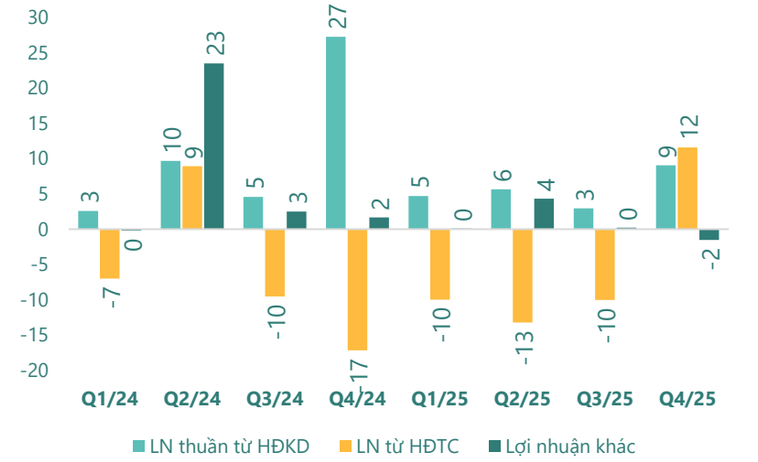
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



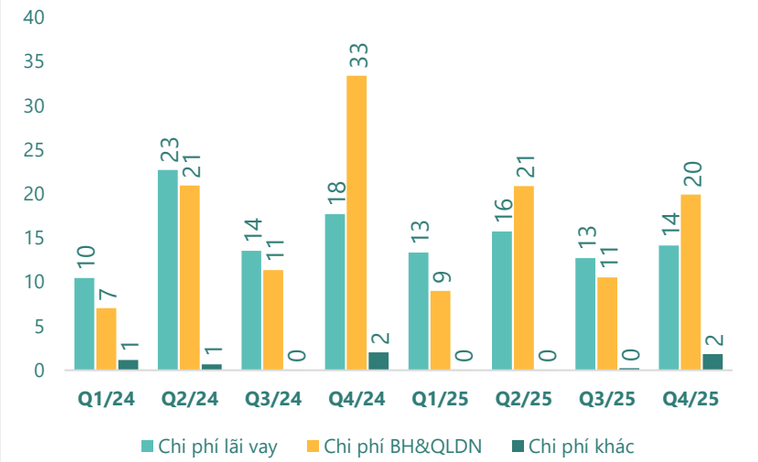
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



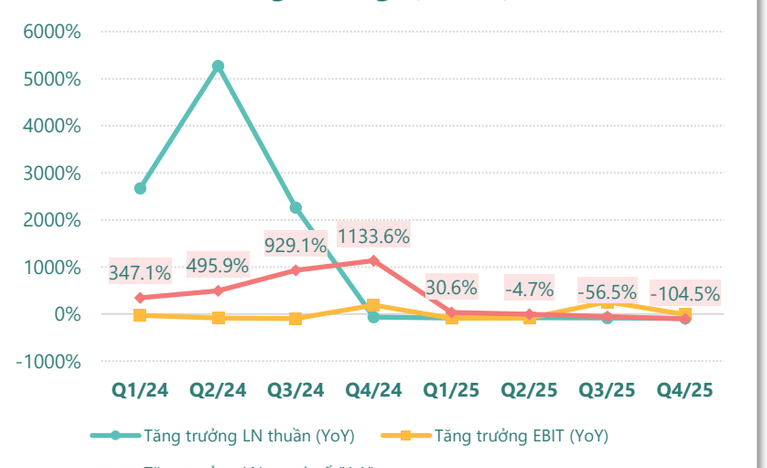
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



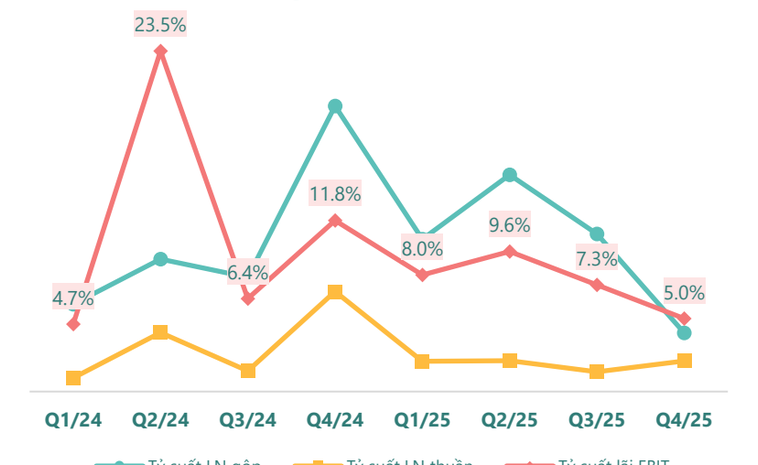
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



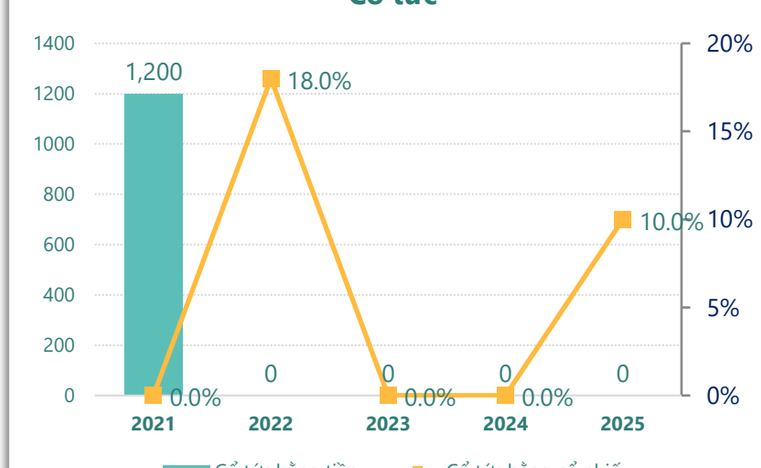
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

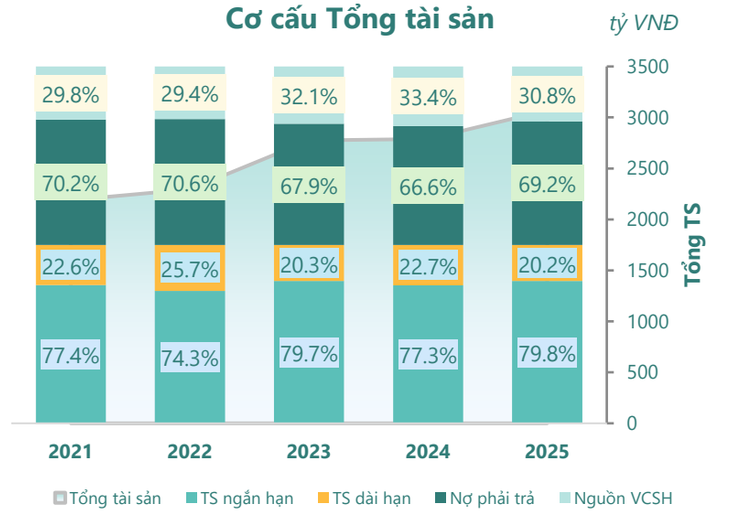
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

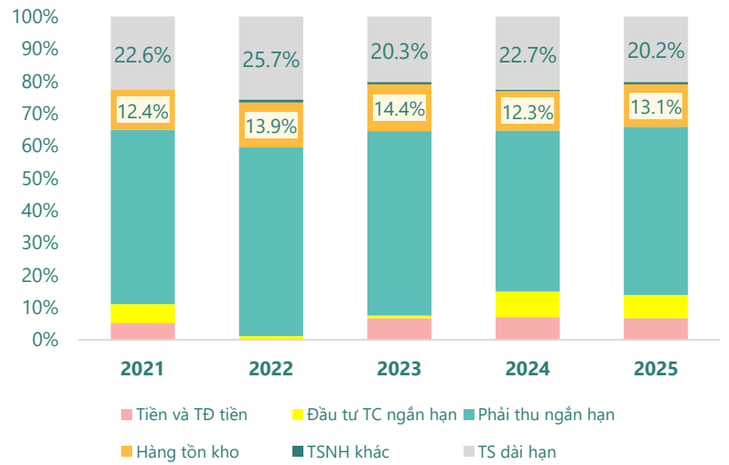
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



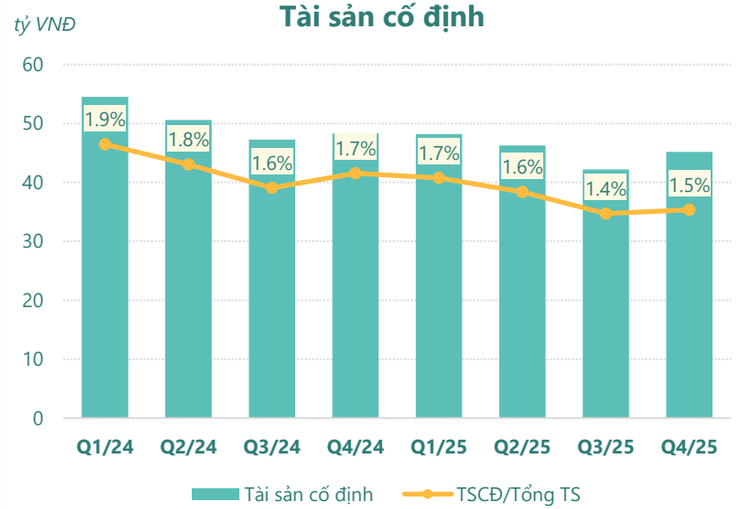
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



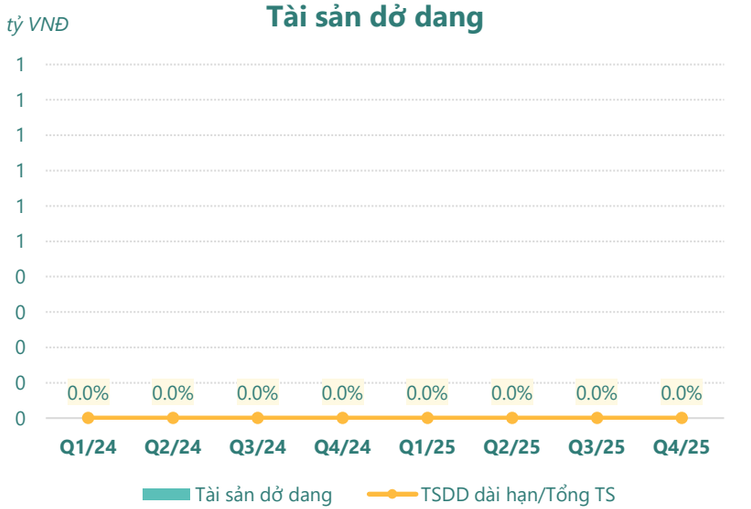
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



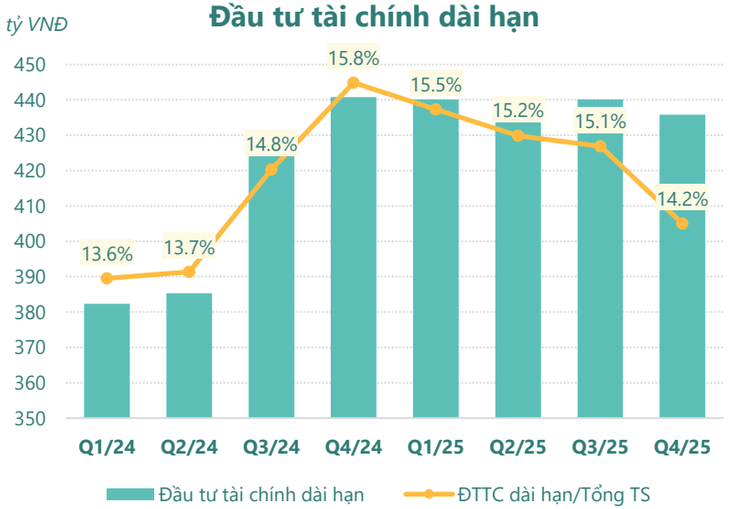
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



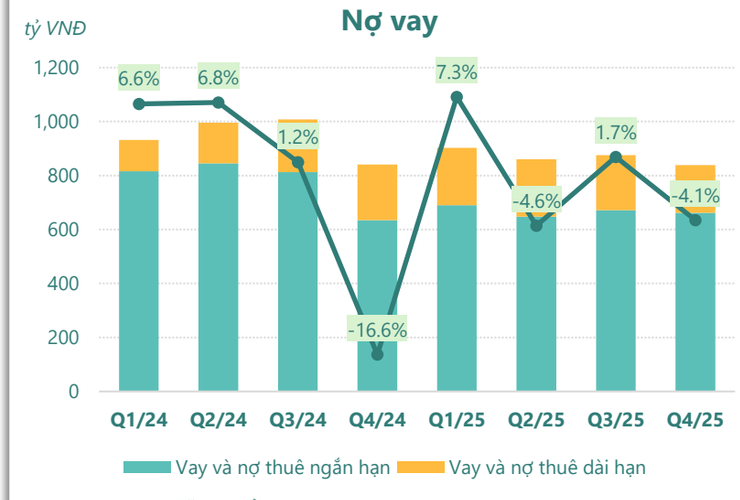
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

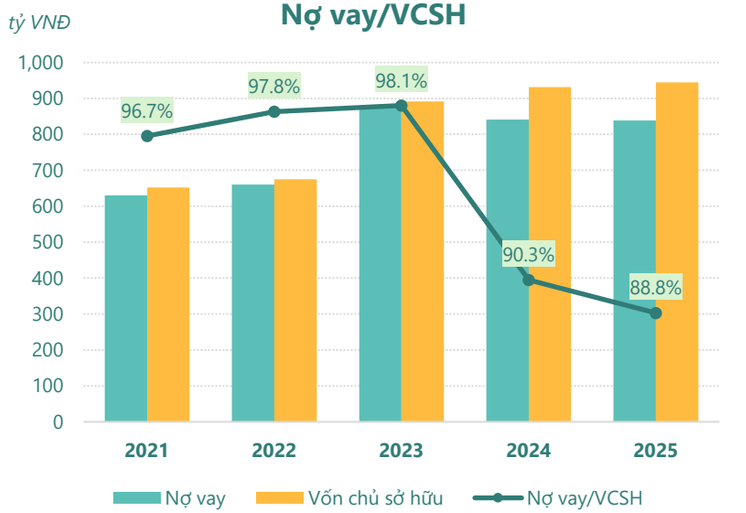
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

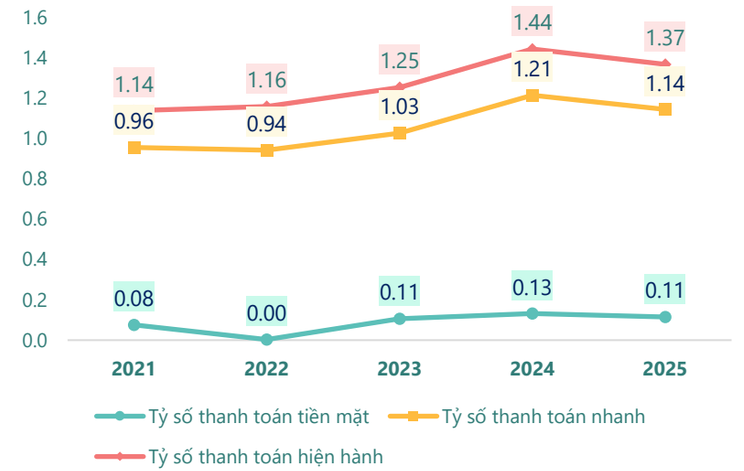
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



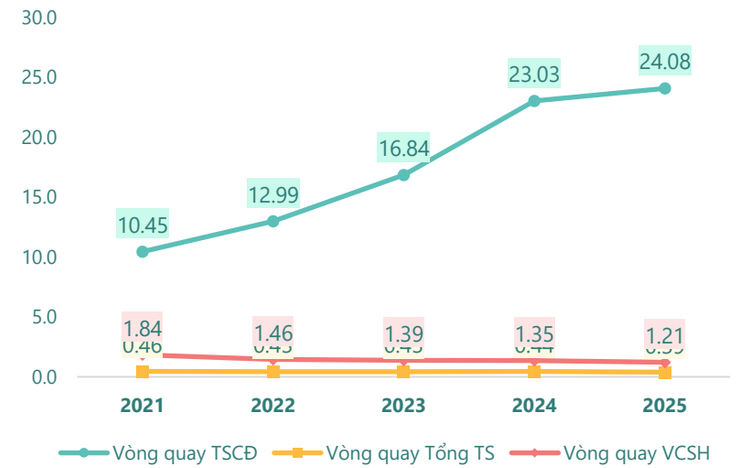
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



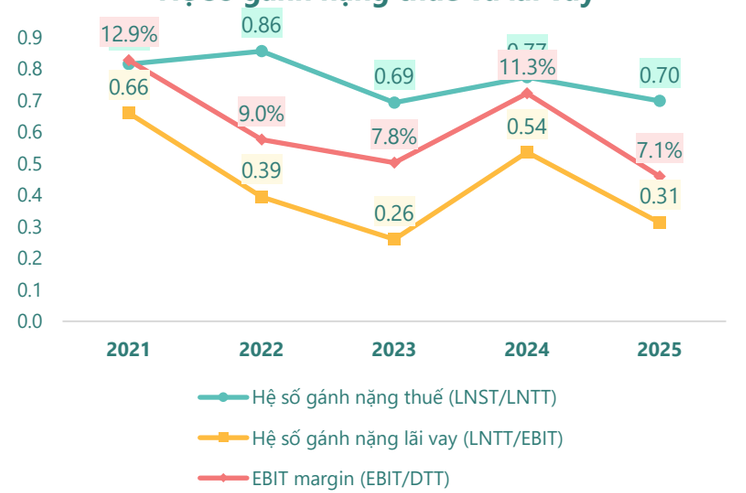
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



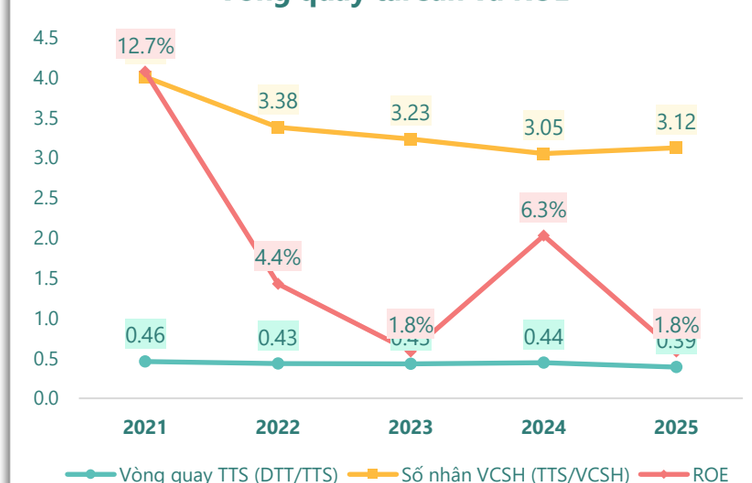
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



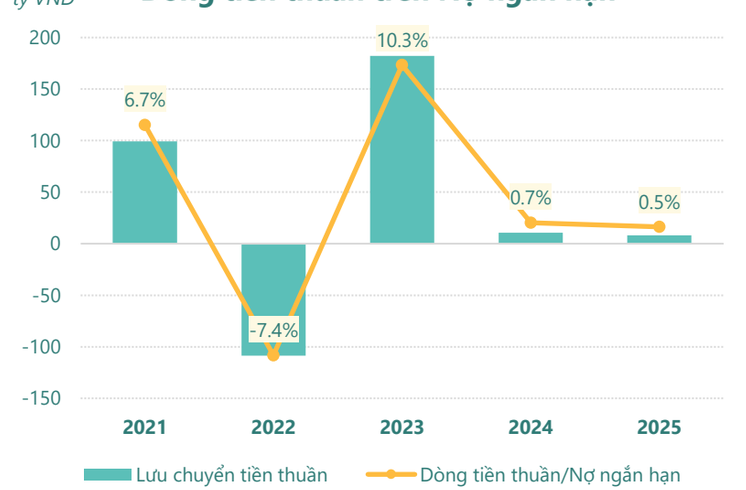
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**430**	**396**	**8.7%**	**1,139**	**1,233**	**-7.6%**
Giá vốn hàng bán	413	318	29.9%	1,035	1,089	-5.0%
Lợi nhuận gộp	17.4	77.9	-77.7%	104	144	-27.3%
Doanh thu HĐTC	25.7	0.54	4667%	34.3	40.4	-15.1%
Chi phí TC	14.2	17.7	-20.0%	56.0	64.6	-13.4%
Chi phí lãi vay	14.2	17.7	-20.0%	56.0	64.3	-13.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0.00**	**-100%**
Chi phí bán hàng	1.88	5.14	-63.4%	3.39	5.14	-34.1%
Chi phí QLDN	**18.0**	**28.3**	**-36.3%**	**57.0**	**67.1**	**-15.1%**
LN thuần từ HĐKD	9.06	27.3	-66.8%	22.4	47.1	-52.5%
Lợi nhuận khác	**-1.54**	**1.67**	**-192%**	**3.11**	**27.3**	**-88.6%**
LN trước thuế	7.51	28.9	-74.0%	25.5	74.4	-65.7%
Lợi nhuận sau thuế	**7.05**	**24.9**	**-71.7%**	**17.8**	**57.5**	**-69.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.36**	**24.9**	**-74.5%**	**17.1**	**57.5**	**-70.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-158	324	-111	-94.1	-43.7	80.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-64.3	17.0	5.24	27.9	8.07	68.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.1	-168	-63.3	82.8	14.8	32.6
Tiền đầu kỳ	218	24.2	197	28.4	45.0	24.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-194**	**173**	**-169**	**16.6**	**-20.9**	**181**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.2	197	28.4	45.0	24.1	205

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,069**	**2,790**	**10.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,449	2,157	13.5%
Tiền và tương đương tiền	205	197	4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	220	-0.7%
Phải thu ngắn hạn	1,598	1,387	15.2%
Hàng tồn kho	402	342	17.3%
Tài sản ngắn hạn khác	24.7	10.5	134%
Tài sản dài hạn	**620**	**632**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	0.13	0	
Tài sản cố định	45.2	49.5	-8.7%
Bất động sản đầu tư	137	140	-1.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	436	440	-1.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.11**	**3.14**	**-32.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,125	1,859	14.3%
Nợ ngắn hạn	**1,790**	**1,495**	**19.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	662	635	4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	467	369	26.5%
Nợ dài hạn	334	364	-8.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	177	206	-14.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**944**	**931**	**1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**944**	**931**	**1.4%**
Vốn điều lệ	756	688	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)